**Lợi thế so sánh của hòa giải ở cơ sở với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp**

Giải quyết tranh chấp không phải là vấn đề pháp lý đơn giản, mà là vấn đề tổng hợp đồng thời liên quan đến nhiều lĩnh vực như kinh tế, xã hội và pháp luật. Yêu cầu cố hữu của giải quyết tranh chấp là trong quá trình giải quyết tranh chấp phải giữ được thẩm quyền pháp lý, trật tự xã hội cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

Với sự phát triển không ngừng của kinh tế - xã hội ngày càng xuất hiện nhiều loại tranh chấp với nội dung đa dạng, phức tạp và để duy trì trật tự, ổn định xã hội cần phải có cơ chế giải quyết tranh chấp. Có nhiều phương thức giải quyết tranh chấp khác nhau, trong đó phổ biến là thương lượng, hòa giải, trọng tài, giải quyết bằng con đường hành chính hoặc tư pháp (Tòa án).

Hòa giải là phương thức để các bên tự nguyện thương lượng với nhau dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện của bên thứ ba trung gian để đạt được thỏa thuận và giải quyết tranh chấp. Có nhiều hình thức hòa giải khác nhau và thường được chia thành 02 loại là hòa giải trong tố tụng và hòa giải ngoài tố tụng. Hòa giải trong tố tụng là hòa giải do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình giải quyết vụ việc theo thẩm quyền và tuân theo thủ tục tố tụng. Hòa giải ngoài tố tụng là hòa giải do các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tiến hành và không tuân theo thủ tục tố tụng, trong đó phổ biến nhất ở Việt Nam là hòa giải ở cơ sở và mới xuất hiện gần đây có thêm hòa giải, đối thoại tại Tòa án thực hiện theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020.

Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở được Quốc hội ban hành ngày 20/6/2013. Đây là một phương thức giải quyết tranh chấp có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời ở Việt Nam và ngày nay, đội ngũ hòa giải viên hàng năm đã và đang hòa giải thành hàng trăm nghìn vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, xích mích, vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, qua đó duy trì được sự ổn định của các quan hệ xã hội, tạo sự đồng thuận, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Vậy với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, so với phán quyết của trọng tài hay tòa án thì hòa giải ở cơ sở có những đặc điểm nổi bật và lợi thế so sánh nào khiến nó ngày càng được người dân tin tưởng lựa chọn? Có thể tóm lược ở 07 khía cạnh sau:

*- Thứ nhất, việc hòa giải phải được tiến hành trên cơ sở sự tự nguyện của các bên*

Đây là điều kiện tiên quyết, là đặc điểm cơ bản nhất của hòa giải, đồng thời cũng là bảo đảm cơ bản nhất cho sự công bằng cũng như tính hợp pháp của kết quả hòa giải thành và là nguyên tắc đầu tiên được quy định tại Điều 4 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Tính tự nguyện của hòa giải ở cơ sở được thể hiện trên hai khía cạnh: *một là*, tính tự nguyện của việc sử dụng hòa giải để giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn. Theo đó, việc hòa giải chỉ được tiến hành khi tất cả các bên tranh chấp, mâu thuẫn đồng ý giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn của mình thông qua hòa giải. Tính tự nguyện này luôn được các bên duy trì trong suốt quá trình hòa giải, và bất cứ khi nào không còn tự nguyện thì các bên có thể rút khỏi hòa giải; *thứ hai*, là sự tự nguyện về việc có đạt được thỏa thuận hòa giải thành hay không và đạt được ở những nội dung nào? Trong quá trình hòa giải, hòa giải viên có thể hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục, thậm chí đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện cho các bên trong tranh chấp hiểu nhau hơn và đi đến kết quả đạt được thỏa thuận. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp tranh chấp không được giải quyết bằng quyền lực nhà nước hoặc các biện pháp cưỡng chế. Ngay cả khi phương án hòa giải do hòa giải viên đề xuất là hoàn toàn đúng đắn và hợp pháp thì các bên cũng không thể bị “bắt buộc” chấp nhận mà việc ký kết thỏa thuận hòa giải thành phải được các bên hoàn toàn tự do ý chí chấp thuận. Nếu trong quá trình hòa giải, các bên cho rằng không thể thực hiện được quyền và lợi ích của mình thì có quyền đơn phương rút khỏi thủ tục hòa giải ở bất kỳ giai đoạn nào. Hòa giải tự nguyện cũng chính là thể hiện sự tôn trọng quyền tự định đoạt đối với các quyền và lợi ích pháp của các bên. Theo đó, từ việc bắt đầu quá trình hòa giải, lựa chọn hòa giải viên, tiến hành quá trình hòa giải và thậm chí cả việc thực hiện kết quả hòa giải đều phụ thuộc vào sự tự nguyện của các bên.

Tự nguyện là thuộc tính thiết yếu của hệ thống hòa giải và đó cũng là nơi mà hòa giải khác với phán quyết Tòa án và một phần với trọng tài. Việc sử dụng phiên tòa không cần phải tự nguyện, ít nhất là đối với bị đơn, sau khi nguyên đơn khởi kiện, bất kể bị đơn có muốn hay không, anh/chị ta sẽ bị đưa vào thủ tục tố tụng. Kết quả của phiên tòa là bắt buộc, bất kể các bên có đồng ý và chấp nhận hay không, thẩm phán sẽ đưa ra phán quyết mà họ tin là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với trọng tài, mặc dù việc sử dụng trọng tài dựa trên sự tự nguyện, nhưng một khi các bên đồng ý lựa chọn trọng tài để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp thì họ phải chấp nhận kết quả của phán quyết trọng tài.

*- Thứ hai, hòa giải với mục đích “hóa giải”*

Một trong những ưu điểm mà hòa giải so với xét xử có được là không gây căng thẳng trong mối quan hệ giữa các bên. Mặc dù kiện tụng đã trở thành một hiện tượng phổ biến trong xã hội chúng ta và quan điểm của người dân về tranh tụng đã có sự thay đổi lớn so với trước đây, nhưng vẫn còn một số lượng đáng kể những người mà văn hóa pháp luật truyền thống đã thâm nhập sâu. Tâm lý “vô phúc mà đáo tụng đình”, họ coi việc “đấu tranh trước tòa”, đặc biệt là bị cáo, là một điều “không nên”, “không hay” nhất là trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Do đó, một khi bên khởi kiện khởi kiện, bên bị buộc tội thường có cảm giác xấu hổ và tức giận và điều này gây ra tâm lý căng thẳng và đối đầu, làm tăng thêm khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp. Sau khi bước vào tranh tụng, sự đối lập giữa hai bên trở nên rõ ràng hơn. Việc tranh tụng yêu cầu nguyên đơn và bị đơn đưa ra các yêu cầu đối lập hoặc thậm chí là hoàn toàn trái ngược nhau. Các bằng chứng do một bên đưa ra phải được kiểm tra chéo bởi bên khác và hai bên cũng phải tập trung vào các tình tiết, diễn biến của vụ án, tranh luận tại tòa về các vấn đề pháp lý. Phán quyết “trắng đen” đôi khi làm trầm trọng thêm sự đối đầu và xung đột giữa hai bên. Bên cạnh đó, không phải trong mọi trường hợp có phán quyết của Tòa án thì cũng có nghĩa là tranh chấp đã thực sự được giải quyết theo nghĩa xã hội và tâm lý. Bởi vì đó là một hiện tượng tâm lý khá phổ biến khiến các bên thua kiện không hài lòng với phán quyết, các tranh chấp tưởng chừng như đã được giải quyết ở bề mặt có thể lại bộc lộ ở các khía cạnh khác.

Trong khi đó, hòa giải ở cơ sở không có sự phân biệt giữa “nguyên đơn” và “bị đơn”, mà chỉ có “các bên” trong mâu thuẫn, tranh chấp[[1]](#footnote-1). Các bên sẽ thương lượng và giải quyết tranh chấp dưới sự giúp đỡ, hướng dẫn của hòa giải viên. Vì vậy, sẽ không còn tâm lý "mất mặt”, xấu hổ hay tức giận. Ngay cả với hòa giải trong tố tụng, thì vẫn sẽ tránh được kết quả một bên thắng kiện và một bên thua kiện, ít nhất sẽ không làm trầm trọng thêm tình trạng đối đầu giữa hai bên do tranh tụng.

*- Thứ ba, tính “mở” của nội dung hòa giải ở cơ sở*

So với phán quyết, hòa giải ở cơ sở là một phương thức giải quyết tranh chấp khá cởi mở. Tại các phiên tòa, chỉ các quyền bị tranh chấp, yêu cầu và các tình tiết, lý do liên quan của các bên được xét xử. Nếu các tình tiết do các bên nêu ra không liên quan trực tiếp đến vụ án, thì dù các bên tự cho rằng chúng quan trọng đến mức nào, tòa án không xem xét với lý do không liên quan đến vụ án. Quyết định của tòa án chỉ có thể được đưa ra đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Hòa giải ở cơ sở thì khác. Mặc dù hòa giải viên phải đối mặt với một tranh chấp tương đối nhất định ở giai đoạn đầu nhưng các bên có thể đưa ra những tình tiết mới trong quá trình hòa giải. Những tình tiết mới này thường phản ánh những mâu thuẫn sâu sắc giữa các bên mà các bên thực sự muốn giải quyết.

Tính “mở” của nội dung hòa giải còn thể hiện ở nội dung thỏa thuận hòa giải đạt được, khác với bản án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật của tòa án khi chỉ hướng vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để hình thành bản án. Ví dụ, khi nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường do vi phạm hợp đồng và tòa án cho rằng bị đơn vi phạm hợp đồng thì tòa án chỉ có thể xét xử bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn và giải quyết các tranh chấp tồn tại trước khi khởi kiện. Trong khi đó, hòa giải không phải lúc nào cũng phụ thuộc vào những gì xảy ở quá khứ. Các bên đều có thể hướng tới tương lai để tìm kiếm giải pháp cho các tranh chấp. Theo đó, bên vi phạm và bên bị thiệt hại có thể sẽ tham gia vào một giao dịch dân sự khác, và bên kia sẽ được các khoản ưu đãi, giảm giá nhiều hơn trong giao dịch dân sự mới để bù đắp thiệt hại xảy ra trong hợp đồng bị vi phạm. Như vậy, những tổn thất gây ra cho bên kia do vi phạm trước đó không chỉ giải quyết được các tranh chấp trong quá khứ mà còn phát triển các quan hệ hợp tác trong tương lai.

*- Thứ tư, tính bảo mật thông tin trong hòa giải ở cơ sở*

Điều này có nghĩa là hòa giải ở co sở không cần phải được tiến hành công khai. Hòa giải viên phải giữ bí mật thông tin mà các bên đã cung cấp cho mình trong quá trình hòa giải và không được tiết lộ cho bất kỳ ai. Theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013, thì hòa giải viên phải giữ bí mật đời tư của các bên, trừ trường hợp thấy tranh chấp, mâu thuẫn nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng; trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật hình sự thì phải thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cá nhân, cơ quan có thẩm quyền kịp thời giải quyết. Trong khi đó, tính hợp pháp của bản án cần được đảm bảo thông qua tính công khai, tính công khai là trường hợp chung, không công khai là ngoại lệ. Cụ thể, Tòa án xét xử công khai. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì Tòa án có thể xét xử kín.

*- Thứ năm, tính đơn giản của thủ tục hòa giải*

Tính phức tạp của thủ tục xét xử phản ánh bản thân các quy định của hệ thống xét xử, là bảo đảm cho toà án đưa ra phán quyết đúng đắn về các tranh chấp, là cơ sở để hợp pháp hoá các bản án, đồng thời cũng là bảo đảm về thủ tục cho các đương sự. Vì vậy, việc xét xử phải được tiến hành từng bước theo đúng quy tắc tố tụng. Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn khi có đủ 03 điều kiện sau đây:

(i) Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ;

(ii) Các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng;

(iii) Không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, trừ trường hợp đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn hoặc các đương sự đã xuất trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản.

Nếu Tòa án quyết định giải quyết theo thủ tục rút gọn, vụ án có thể được xử lý nhanh hơn so với hòa giải. Song, bất kể đó là vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn hay thủ tục thông thường, các bên đều có thể kháng cáo bản án sơ thẩm, trong khi với tranh chấp tương tự, quá trình hòa giải có thể chỉ mất vài ngày hoặc thậm chí vài giờ.

 Thủ tục hòa giải không trang trọng như thủ tục xét xử, linh hoạt và đơn giản hơn thủ tục xét xử. Hòa giải ở cơ sở được thực hiện bởi sự đồng ý của các bên, hòa giải viên không thể buộc các bên chấp nhận ý kiến ​​hòa giải của mình, nên không cần phải sử dụng các thủ tục mang tính bắt buộc và phức tạp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Hòa giải viên có thể sử dụng các phương thức hòa giải đơn giản, linh hoạt, đa dạng và tự do lựa chọn, kết hợp các thủ tục tùy theo tình huống cụ thể của vụ án.

Quá trình hòa giải là một quá trình mà các bên thương lượng và cuối cùng đạt được thỏa thuận dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của hòa giải viên về cách giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn. Mặc dù hòa giải có sự tham gia của hòa giải viên, hòa giải viên có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, thuyết phục, giúp đỡ, tạo điều kiện “hợp tác” giữa các bên trong toàn bộ quá trình nhưng về bản chất, các bên vẫn giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, đàm phán.

Khác với quá trình thương lượng ký kết hợp đồng, trong quá trình thương lượng hòa giải, ngoài việc bày tỏ sự chân thành và hợp tác, các bên phải có đủ sự mềm dẻo và linh hoạt; hòa giải viên giúp các bên tìm ra điểm chung về lợi ích, suy nghĩ theo một lập trường chung tích cực hơn, gần nhau hơn và cuối cùng đi đến một kết quả thỏa thuận hòa giải mà đôi bên cùng có lợi. Thương lượng giúp thể hiện đầy đủ ý chí chủ quan của các bên trong quá trình hòa giải, mong muốn của các bên được tôn trọng hoàn toàn và việc giải quyết tranh chấp dựa trên sự đồng thuận của các bên. Đây cũng chính là lý do mà các thỏa thuận hòa giải thành nói chung thường được các bên chủ động thực hiện.

*- Thứ sáu, tính linh hoạt và đa dạng của các kết quả hòa giải ở cơ sở*

Tính linh hoạt và đa dạng của các kết quả hòa giải là một điểm khác biệt lớn giữa hòa giải ở cơ sở và xét xử. Quá trình xét xử là quá trình thẩm phán tìm ra sự thật và áp dụng pháp luật. Trong các phiên tòa, mặc dù phán quyết của thẩm phán về các tình tiết và sự hiểu biết luật pháp có thể dẫn đến các kết quả khác nhau trong phiên sơ thẩm và phúc thẩm, nhưng nhìn chung, kết quả của phán đoán là nhất quán, chắc chắn và có thể dự đoán được. Hòa giải thì khác. Thỏa thuận hòa giải là kết quả thương lượng giữa các bên và do các bên cùng nhau tự nguyện đạt được. Thỏa thuận không vi phạm các quy định cấm của pháp luật, không xâm hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng xã hội, không xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba thì sẽ không có vấn đề gì về tính hợp pháp của nội dung thỏa thuận hòa giải. Tính linh hoạt và đa dạng của kết quả hòa giải cũng đến từ tính “mở” của hòa giải. Vì hòa giải có thể giải quyết các tranh chấp phải đối mặt trong tương lai, nên kết quả của hòa giải đương nhiên không chỉ giới hạn ở việc giải quyết các tranh chấp trong quá khứ mà đôi khi còn bao gồm cả việc giải quyết các tranh chấp trong các thỏa thuận hợp tác trong tương lai.

Tính linh hoạt và đa dạng của các kết quả hòa giải không chỉ giúp hòa giải viên hướng dẫn các bên đạt được thỏa thuận hòa giải một cách kịp thời mà còn giúp cho kết quả hòa giải có tính đến lợi ích lâu dài của cả hai bên, để các tranh chấp có thể được giải quyết một cách thực tế hơn.

*- Và cuối cùng, chi phí hòa giải thấp*

Hầu hết các tranh chấp dân sự và thương mại dựa trên xung đột về lợi ích kinh tế và các bên phải chịu chi phí vận hành của cơ chế giải quyết tranh chấp. Khi các bên lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp, họ sẽ ước tính chi phí và lợi ích và có xu hướng lựa chọn các phương pháp giải quyết tranh chấp có chi phí thấp.

Với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp, xét xử có thể đạt được công lý hoàn hảo hơn, nhưng so với các phương pháp giải quyết tranh chấp khác, việc đạt được công lý đòi hỏi chi phí cao hơn, thậm chí tốn kém. Mặc dù án phí dân sự sơ thẩm (đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động không có giá ngạch, tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ 6.000.000 đồng trở xuống), án phí dân sự phúc thẩm (đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động), lệ phí sơ thẩm, phúc thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, không cao - chỉ 300.000 đồng, nhưng xét xử sơ thẩm và phúc thẩm vụ án vẫn phải nộp án phí, đồng thời các bên có thể sẽ phải chịu các chi phí như phí thẩm định, phí bảo quản tài sản, phí thi hành án dân sự... Trong khi đó, nếu đưa ra hòa giải ở cơ sở thì là miễn phí./.

***Nguyễn Thị Giang***

1. Là các cá nhân, nhóm cá nhân, gia đình, nhóm gia đình, tổ chức có mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật (khoản 3 Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở). [↑](#footnote-ref-1)